

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2024/DS-PT**

Ngày: 05-8-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Bà Nguyễn Thị Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm (lần 2) số 25/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thào Giồng D (tên gọi khác: Thào Dùng D), sinh năm 1970 và bà Sùng Thị S, sinh năm 1972, cùng trú tại địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sùng Thị S: Ông Thào Giồng D (tên gọi khác: Thào Dùng D), sinh năm 1970, địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2022) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Thào Tùng P, sinh năm 1946 và bà Giàng Thị S1 (tên gọi khác: Giàng Thị X), sinh năm 1962, cùng trú tại địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lâu A T, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Thào Chờ L, sinh năm 1968, địa chỉ: Bản S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

- Bà Thào Thị D1, sinh năm 1978, địa chỉ: Bản Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

- Ông Thào A N, sinh năm 1964 và ông Thào Giồng D2, cùng trú tại địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Thào Thị T1, địa chỉ: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người phiên dịch: Ông Ly A S2, sinh năm 2000. Địa chỉ: Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1 (tên gọi khác: Giàng Thị X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, ông Thào Giồng D trình bày:

Gia đình ông D, bà S có một mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2,8 ha tại khu vực bản Huổi Quang 1, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên bên tay trái giáp đất nương ông Thào Xĩa D3, bên phải giáp đất nương trưởng bản cũ ông Thào Nhè P1, bên trên giáp đất nương ông Thào Giả P2, phía dưới giáp đất nương ông Vàng Nhè D4. Thời điểm năm 2001 do điều chỉnh đường biên giới V - Lào nên nhân dân bản H được nhà nước chuyển xuống ở bản H hiện tại. Thời điểm đó gia đình ông D, bà S đã làm nhà đứng vào đám nương của nhà ông Thào Tùng P, còn nhà ông Thào Tùng P làm nhà đứng vào đám nương của gia đình ông D, bà S. Một thời gian sau bố ông D là ông Thào Giả P2 (bố ông D đã mất năm 2013) đã nói chuyện với ông Thào Tùng P và đi đến thống nhất là đổi cho nhau hai mảnh đất trên nhưng không có giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng. Khoảng năm 2007, gia đình ông Thào Tùng P đã bán mảnh đất mà hai gia đình đã đổi nhau cho Lâu A T trú tại bản Huổi Quang 1 để di cư đi Đắk Nông nhưng đi được một thời gian gia đình ông P lại quay về ở bản H. Vào cuối năm 2021 ông Thào Tùng P đi chặt phá đám nương của gia đình ông D, bà S để làm nương, diện tích bị chặt phá khoảng 10.000m² mà không báo trước với gia đình ông bà. Sau đó ông D có làm đơn kiến nghị đến trưởng bản H đề nghị giải quyết.

Ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết yêu cầu gia đình ông Thào Tùng P trả lại số diện tích 2,8 ha đất tại khu vực bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên trên cho gia đình ông D, bà S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị

đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 trình bày:

Gia đình ông P, bà S1 có một mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích chưa đi đo nên chưa biết cụ thể là bao nhiêu tại khu vực bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc đất là do con rể ông P, bà S1 khai hoang, khi ông P và bà S1 chuyển từ P sang thì con rể giao lại cho ông bà sử dụng. Các bên tiếp giáp như sau phía bên tay trái giáp đất nương ông Thào Xì D3, bên phải giáp đất nương trưởng bản cũ ông Thào Nhè P1, bên trên giáp đất nương ông Thào Giả P2, phía dưới giáp đất nương ông Vàng Nhè D4. Thời điểm năm 2001 nhân dân bản H được nhà nước chuyển xuống ở bản H hiện tại. Thời điểm đó gia đình ông P1, bà S1 đã làm nhà đứng vào đám nương của nhà ông Thào Giả P2, còn nhà ông Thào Giả P2 làm nhà đứng vào đám nương của gia đình ông P1, bà S1. Một thời gian sau ông bà Páo S3 đã nói chuyện với ông Thào Giả P2 (ông P2 đã chết) và đi đến thống nhất là đổi cho nhau diện tích đất nền nhà, không đổi diện tích đất xung quanh,

Sau một thời gian, gia đình ông P1 bà S3 đã bán nhà không bán đất nền nhà mà hai gia đình đã đổi nhau cho Lầu A T trú tại bản H để di cư đi Đăk Nông, đi được một thời gian gia đình ông bà Páo S3 quay về ở một chỗ khác bản H.

Vào cuối năm 2021 gia đình ông bà Páo S3 đi phát đám nương cũ của gia đình ông bà để làm nương thì gia đình ông Thào Giồng D không cho ông bà phát làm, ông D bà S làm đơn kiến nghị đến trưởng bản H đề nghị giải quyết. Sau đó khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu gia đình ông bà Páo S3 trả lại số diện tích đất tại khu vực bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên trên, ông P1 bà S3 không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lầu A T trình bày: Vợ chồng ông có mua nhà và đất của ông Thào Tùng P nhưng không rõ diện tích, giá mua là 500.000 đồng, khi mua có nhà làm bằng cột gỗ chôn đất, vách thưng tre 05 gian, hiện nay gia đình ông T đã tu sửa, xây cột kèo, lán nền, nhà gồm 04 gian nhà và 01 gian bếp, vách thưng bằng ván. Đất xung quanh nhà ông T đã trồng cây ăn quả, mận xoài, đất có diện tích không lớn, không biết diện tích là bao nhiêu có một mặt giáp bố đẻ là Lầu A C, một mặt giáp đất ông Vừ A D5, một mặt giáp đất ông Thào Trùng Chư c của ông Thào Tùng P. Khi mua ông T trao đổi với ông Thào Trùng C1, khi mua bán không chỉ rõ ranh giới đất mà chỉ nói bán mảnh đất và nhà đây, nhưng ông mua cả nhà và đất, thời gian mua khoảng 15 năm trước. Hiện nay ông Thào Tùng P quay về đòi đất ông không nhất trí vì ông đã mua làm nhà và sinh sống ở đây lâu năm, từ khi ông về sinh sống ở đây không có ai tranh chấp. Hiện nay ông Thào Trùng C1 vẫn ở cùng bản, khi mua bán ông C1 nói rõ là ông P nhờ ông C1 bán hộ nhà và đất và sẽ đưa số tiền 500.000 đồng cho ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A N trình bày: Mảnh đất ông N đổi cho Thào Trùng C1 là mảnh giáp với ông T và ông C đang ở, đất ông T đang ở nằm trong đất ông P2 đổi cho ông P. Con đường dân sinh sau nhà ông T là có sau khi ông N đổi đất với ông C1, trước đây đất và nhà ông T và ông C nằm phía trên đường, bây giờ con đường đây lại nằm phía bên trên đất ông T và

ông C. Ông N và ông C1 đổi đất cho nhau năm 2009 lúc đây con đường dân sinh nằm phía bên dưới, không phải như bây giờ. Khi ông P2 và ông P đổi đất ông N có biết, hai bên có chỉ cho nhau diện tích đất đổi là ông P ở đất của ông P2 từ nhà ông T, ông C đang ở hiện nay lên phía trên là đất của ông P. 02 mảnh nương đổi cho nhau không có tên địa danh, mảnh ông D đang sử dụng ông P không chỉ ranh giới và diện tích từ đâu đến đâu, ông P nói là chỉ đổi đất nền nhà là không đúng mà lúc đó là đổi cả đám nương của ông P cho ông P2, mọi người dân trong bản đều biết. Thời điểm khi di cư từ bên Lào về ông P ở trên đất nương nhà ông P2, ông P2 làm trên đất nương của ông P nên đã thống nhất đổi cho nhau. Khi ông P2 đổi đất cho ông P và làm nhà trên mảnh đất đây thì các anh em đều tách khẩu ra ở riêng chỉ còn ông D và con ông D ở cùng ông P2. Ông P2 mất năm 2013, mẹ ông mất năm 2021 trước khi mất giao nhà và đất lại cho ông D quản lý và sử dụng, các anh em đều biết và không có ai có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thào Thị T1 trình bày: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn Thào Giồng D là khi bố là Thảo G Pủa đổi đất cho ông P và làm nhà trên mảnh đất đây thì các anh em đều tách khẩu ra ở riêng chỉ còn ông D và con ông D ở cùng ông P2. Ông P2 mất năm 2013, mẹ bà mất năm 2021 trước khi mất giao nhà và đất lại cho ông D quản lý và sử dụng, các anh em đều biết và không có ai có ý kiến gì.

Lời khai của trưởng bản H là ông Lâu A T2 trình bày: Ông làm trưởng bản H từ tháng 11 năm 2023, khu vực đất đang tranh chấp giữa ông D và ông P thì từ năm 2001 - 2002 đã thấy hộ ông D ở đây, năm 2022 có xảy ra tranh chấp, ông có nghe người trong bản nói có việc đổi đất giữa ông P và ông P2. Vị trí đất đang tranh chấp không có tên địa danh, vị trí ranh giới đúng như vị trí và ranh giới do đoàn công tác xem xét thẩm định. Con đường dân sinh phía trên nhà ông T, ông C được làm từ năm 2009, 2010, trước đây con đường này nằm phía dưới nhà ông T và ông C ở hiện tại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 157; Điều 158; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 74 Luật Đất đai năm 1993, Điều 4 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; Các Điều 11, 12, 101, 131, 166, 167, 170, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013, các Điều 20, 21, 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các Điều 189, 197, 203 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Giống D và bà Sùng Thị S. Buộc ông Thào Tùng P và Giàng Thị S1 trả lại ông Thào Giống D và bà Sùng Thị S diện tích đất 15.589,2 m² đất tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có tứ cận phía Bắc giáp rừng; phía Tây giáp nương lúa ông Thào Giống D và đất nhà, đất nương ông Thào Vả S4, phía Đông giáp đất nương ông Thào Tùng P đang trồng sắn và giáp đất trồng cỏ voi có mặt tiếp giáp là hàng rào tre cao 1,5 mét, chiều dài 30 mét là vườn của ông Sùng A T3; phía Nam giáp đất và nương nhà ông Giàng Nhè D6 (Đính kèm theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất). Có Tọa độ các góc như sau: Góc 1 có tọa độ là X 498741, Y 2404272; góc 2 có tọa độ X 498699, Y 2404309; Góc 3 có tọa độ X 498701, Y 2404406; Góc 4 có tọa độ X 498832, Y 2404364. Ông Thào Giống D và bà Sùng Thị S có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước về quản lý đất đai ở địa phương để kê khai, đăng ký theo Luật Đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2024, bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên, cụ thể: Ông P, bà S1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Giống D (tên gọi khác: Thào Dừng D) và bà Sùng Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện việc thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Mặc dù đường lối giải quyết án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng, tuy nhiên, diện tích đất của gia đình nguyên đơn bị gia đình bị đơn chiếm dụng không phải là toàn bộ 15.589,2 m², mà chỉ là khoảng 10.000 m² (theo lời khai của nguyên đơn, còn diện tích thực tế chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đo đạc, xác định), nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ diện tích 15.589,2 m² cho gia đình nguyên đơn là không chính xác, nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét điều chỉnh nội dung này cho phù hợp tại Bản án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, như vậy việc kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào Chờ L, bà Thào Thị D1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâu A T, ông Thào A N, ông Thào Giồng D2, bà Thào Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3

Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S:

Nguyên đơn ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 phải trả lại cho nguyên đơn thửa đất có diện tích 2,8 ha; có địa chỉ tại khu vực bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Về nguồn gốc đất: Năm 2001 khi nhà nước điều chỉnh biên giới thì di chuyển dân từ nơi ở cũ đến nơi ở hiện tại. Thời điểm đó, gia đình ông Thào Giồng P2 (bố đẻ của nguyên đơn Thào Giồng D) làm nhà vào khu đất nương của gia đình ông Thào Tùng P, còn gia đình ông Thào Tùng P thì làm nhà vào đất nương của gia đình ông Thào Giồng P2, do đó hai bên thống nhất đổi đất cho nhau, khi đổi đất hai gia đình chỉ thoả thuận bằng miệng, không lập biên bản. Sau khi đổi đất, hai gia đình đều không thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2013 ông Thào Giồng P2 bố đẻ nguyên đơn chết, năm 2021 mẹ đẻ của nguyên đơn Thào Giồng D chết, trước khi ông bà chết đã giao lại toàn bộ diện tích đất và nhà trên cho bố con ông D quản lý, sử dụng. Các con của ông Thào Giồng P2 là anh chị em của ông P cũng thừa nhận có việc trước khi mất ông P2 đã giao lại nhà và đất cho ông D quản lý sử dụng, các ông bà đều biết và không có ý kiến gì.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023 xác định diện tích đất tranh chấp là 15.589,2m² có các tứ cận tiếp giáp: 01 cạnh phía Đông giáp nương trồng cỏ voi nhà ông Sùng A T3, nương trồng sắn của ông Thào Tùng P; phía Bắc giáp rừng cây; phía Tây giáp nương lúa của ông Thào Giồng D và nhà ông Thào Văn S4; phía Nam giáp đất hộ ông Văn Nhè D8, là đất của nguyên đơn. Nguyên đơn nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và rút yêu cầu khởi kiện từ 2,8ha đất xuống 15.589,2m² theo kết quả thẩm định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là 15.589,2m², có tứ cận vị trí tiếp giáp như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023 và bản mô tả ranh giới, vị trí thửa đất là phù hợp với thực tế.

Về quá trình sử dụng đất: Tại Công văn số 138/CV-TNMT ngày 03/11/2023 của Phòng T4, UBND huyện M có thể hiện: Khu đất đang tranh chấp thuộc đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) đã được quy hoạch tại Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Khu đất đang tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình cá nhân, tổ chức nào. Chưa giao cho hộ gia đình, tổ chức nào quản lý, sử dụng. Như vậy, diện tích đất tranh chấp đã được quy hoạch là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, các đương sự canh tác trồng cây mục đích sử dụng diện tích đất tranh chấp theo quy định tại Điều 14 Luật Đất đai.

Năm 2001 gia đình ông P đã đổi đất cho gia đình ông P2 (bố đẻ ông D), sau

khi đổi đất ông P làm nhà sinh sống ở đó được một thời gian thì bán lại cho Lầu A T để di cư đi Đ. Sau khi bán nhà và đất cho ông T, gia đình ông T bà D9 đã tu sửa ngôi nhà, trồng cây mận, xoài trên đất và gia đình ông bà đã sinh sống lâu dài trên đó, không có tranh chấp.

Từ năm 2001 đến năm 2022 diện tích đất 15.589,2 m² tranh chấp do ông D, bà S sinh sống, làm nhà gỗ 5 gian, cột kê, diện tích sử dụng 130m², trồng cây ăn quả nhãn, xoài và nuôi, chăn thả gia cầm; như vậy ông D và bà S đã sử dụng đất ổn định liên tục, không tranh chấp và sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định quy hoạch số 994/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh. Ông D, bà S đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai.

Như vậy, có thể xác định được rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do giữa bố đẻ nguyên đơn là ông Thào Giả P2 và bị đơn ông Thào Tùng P có sự việc đổi đất cho nhau, nhưng chỉ nói với nhau bằng miệng, trước khi ông P2 chết năm 2013, đã giao lại nhà và đất cho ông D, nguyên đơn ông Thào Giống D vẫn làm nhà ở và canh tác trồng sắn trên mảnh đất của ông P2 để lại, đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn ông Thào Giống D, bà Sùng Thị S với bị đơn ông Thào Tùng P, Giàng Thị S1 là đất của ông Thào Giống D, bà Sùng Thị S là có căn cứ.

Xét việc bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 chặt phá cây trồng trên thửa đất đang tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng, qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023 và tại các biên bản lấy lời khai của ông Thào Giống D, Thào Tùng P trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đều thể hiện, năm 2021 ông P vào chặt phá toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 15.589,2 m² và trồng sắn trên diện tích đất đó. Nguyên đơn ông Thào Giống D không yêu cầu ông P, bà S1 phải bồi thường thiệt hại số cây trồng đã bị chặt phá trong vụ án này. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Thào Giống D không có ý kiến gì khác về phần bồi thường thiệt hại, ông D trình bày sau này nếu có yêu cầu thì ông Thào Giống D sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1:

Ông P, bà S1 kháng cáo không nhất trí với phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Giống D, bà Sùng Thị S.

Xét thấy, sau khi gia đình nguyên đơn và gia đình bị đơn đổi đất cho nhau, các bên đều làm nhà sinh sống ổn định, trực tiếp canh tác, việc đổi đất và sử dụng đất này phù hợp với quy định tại Điều 74 của Luật Đất đai năm 1993, Điều 5 Nghị định số 17/1999 ngày 29/3/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất.

Sau khi đổi đất, bị đơn đã làm nhà sinh sống, sau đó đã bán lại cho ông L1 A T để đi Đắc Nông, ông P cho rằng chỉ bán nhà không bán đất vì đất là của chủ

cũ (ông P2) khi nào chủ cũ đòi lại đất thì ông T phải trả đất cho chủ cũ. Tuy nhiên, ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai ông T mua cả nhà và đất của ông P, đã sửa nhà, trồng cây và sinh sống lâu năm và từ khi sống ở đây, không có ai tranh chấp. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên mảnh đất ông T đang ở hiện nay có một ngôi nhà diện tích xây dựng 110,24m², bết 48,38m², cột kê, vách thung ván, các loại cây mận, bưởi từ 03 đến 05 năm tuổi. Việc ông Thào Tùng P cho rằng chỉ bán nhà, không bán đất cho ông T là không đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, đánh giá tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự một cách khách quan, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1. Tuy nhiên, diện tích đất của gia đình nguyên đơn bị gia đình bị đơn chiếm dụng không phải là toàn bộ 15.589,2 m², mà chỉ khoảng 10.000 m² (theo lời khai của nguyên đơn), nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ diện tích 15.589,2 m² cho gia đình nguyên đơn là không chính xác như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[2.3] Đối với tài sản trên diện tích đất tranh chấp: Trên diện tích đất đang tranh chấp có những cây sắn do ông Thào Tùng P trồng: Xét thấy diện tích đất tranh chấp 15.589,2m² là đất của ông Thào Giồng D, do đó cần buộc ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 phải di dời toàn bộ cây cối, hoa màu đã trồng trên đất và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho nguyên đơn ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1. Buộc bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 trả lại cho nguyên đơn ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S số tiền 3.000.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 không được chấp nhận nên ông P, bà S1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông P, bà S1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 157; Điều 158; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ

luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 74 Luật Đất đai năm 1993, Điều 4 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; Các Điều 11, 12, 101, 131, 166, 167, 170, 179, 203 Luật đất đai năm 2013, các Điều 20, 21, 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Các Điều 189, 197, 203 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 (tên gọi khác: Giàng Thị X).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Cụ thể:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Giồng D và bà Sùng Thị S.

Ông Thào Giồng D và bà Sùng Thị S được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 15.589,2 m² đất tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Buộc ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 (tên gọi khác: Giàng Thị X) phải di dời toàn bộ cây cối, hoa màu đã trồng trên đất và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho nguyên đơn ông Thào Giồng D, bà Sùng Thị S.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1 trả cho ông Thào Giồng D và bà Sùng Thị S số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ thời điểm ông Thào Giồng D và bà Sùng Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1 không tự nguyện thi hành đối với số tiền phải trả cho ông Thào Giồng D và bà Sùng Thị S thì ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Thào Tùng P và bà Giàng Thị S1.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Thào Tùng P, bà Giàng Thị S1 (Giàng Thị X).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2024).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng